

Số/ No: 18918.2507/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.6706 2507  
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.17646 2507  
Trang/ Page: 1/ 1

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**  
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/07/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 03-11/07/2025  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 15/07/2025  
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 lít  
Tên mẫu/ Name of sample : **NƯỚC BỂ CHỨA NHÀ MÁY NƯỚC PHÚ HÒA**  
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

| STT/<br>No. | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/<br>PARAMETERS | PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/<br>TESTING METHOD   | KẾT QUẢ/<br>RESULT             | ĐƠN VỊ TÍNH/<br>UNIT |
|-------------|------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------|----------------------|
| 1           | Arsenic (As) (*)                   | SMEWW 3030 A,E: 2023<br>SMEWW 3113 B: 2023 | Không phát hiện<br>(LOD=0,002) | mg/L                 |

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.  
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.  
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.  
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.  
(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)  
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**ThS. Nguyễn Văn Tâm**



Số/ No: 18919.2507/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.6706 2507  
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.17647 2507  
Trang/ Page: 1/ 1

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**  
Địa chỉ/ Address : **Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk**  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **03/07/2025** Thời gian phân tích/ Time of analysis: **03-11/07/2025**  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : **15/07/2025**  
Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước sạch** Số lượng mẫu/ Quantity of sample: **1 lít**  
Tên mẫu/ Name of sample : **NƯỚC TRÊN MẠNG 1 NHÀ MÁY NƯỚC PHÚ HÒA**  
Tình trạng mẫu / State of sample : **Đựng trong can nhựa**

| STT/<br>No. | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/<br>PARAMETERS | PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/<br>TESTING METHOD   | KẾT QUẢ/<br>RESULT             | ĐƠN VỊ TÍNH/<br>UNIT |
|-------------|------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------|----------------------|
| 1           | Arsenic (As) (*)                   | SMEWW 3030 A,E: 2023<br>SMEWW 3113 B: 2023 | Không phát hiện<br>(LOD=0,002) | mg/L                 |

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.  
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.  
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.  
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.  
(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)  
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

**ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng**



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

**ThS. Nguyễn Văn Tâm**





**Việt Tín**  
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN**  
**VIET TIN TESTING CO., LTD**

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh  
Laboratory & Office: No.39A, 4<sup>th</sup> Street, An lac Ward, Ho Chi Minh City  
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013  
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 18920.2507/KQ-VTT  
Mã số/ Code: KH.6706 2507  
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.17648 2507  
Trang/ Page: 1/ 1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN  
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 03/07/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 03-11/07/2025  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 15/07/2025  
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 lít  
Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC TRÊN MẠNG 2 NHÀ MÁY NƯỚC PHÚ HÒA  
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

| STT/<br>No. | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/<br>PARAMETERS | PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/<br>TESTING METHOD   | KẾT QUẢ/<br>RESULT             | ĐƠN VỊ TÍNH/<br>UNIT |
|-------------|------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------|----------------------|
| 1           | Arsenic (As) (*)                   | SMEWW 3030 A,E: 2023<br>SMEWW 3113 B: 2023 | Không phát hiện<br>(LOD=0,002) | mg/L                 |

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.  
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.  
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.  
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.  
(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)  
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng



ThS. Nguyễn Văn Tâm

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02  
Version: 11  
Date of issue: 15/07/2025

**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN**  
**MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**